

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2020/HC-PT

Ngày 12-11-2020

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý thuế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho và bà Dương Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: –
Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2020, tại trụ sở tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý thuế”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐ- PT ngày 26/10/2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 1A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1/ Chi cục thuế khu vực số

2/ Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số .

Cùng địa chỉ: Số 233A, đường Hùng V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Tăng Tiến T – Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2, là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Văn bản ủy quyền số 270/UQ-CCT ngày 14/8/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2). Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

Ngày 24/12/2018, Chi cục thuế huyện Đắk Hà (nay là Chi cục thuế khu vực số 2) ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1860111-TK0007086/TB-CCT cho thửa đất 42, tờ bản đồ 34, tại Thôn 1A, xã Đắk La, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, người phải nộp tiền là ông Nguyễn Bá P (không đồng ý với khoản tiền sử dụng đất theo thông báo nói trên, ông P đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án; Ngày 23/04/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hành chính đã bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Phước; bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Ngày 19/12/2019, Chi cục thuế huyện Đắk Hà ban hành Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1815/TB-CCT, đối với khoản tiền chậm nộp là 8.543.507 đồng. Đến ngày 28/5/2020, Chi cục thuế khu vực số 2 ban hành Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1182/TB-CCT, đối với khoản tiền chậm nộp 11.956.241 đồng. Ngày 28/5/2020 ông P có đơn yêu cầu “xem xét lại khoản tiền chậm nộp và tiền sử dụng đất” Ngày 18/6/2020, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2 ban hành văn bản số 190/CCT-NV trả lời ông Phước.

Ngày 05/8/2020 ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1815/TB-CCT, ngày 19/12/2019 của Chi cục thuế huyện Đắk Hà đối với khoản tiền chậm nộp 8.543.507 đồng.

Hủy một phần Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1182/TB-CCT, ngày 28/5/2020 của Chi cục thuế khu vực số 2 đối với tiền chậm nộp là 11.956.241 đồng. Hoàn trả lại cho ông Phước số tiền chậm nộp là 11.956.241 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P có yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy bỏ Công văn 190/CCT-NV ngày 18/6/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2.

Lý do khởi kiện: Ông P cho rằng trong thời gian đang khiếu nại, khởi kiện thì ông Phước không phải chịu tiền chậm nộp tiền phạt.

Đại diện người bị kiện trình bày: Ngày 28/5/2020, Chi cục thuế khu vực số 2 ban hành Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1182/TB-CCT về việc ông Nguyễn Bá P phải nộp tiền chậm nộp là 11.956.241 đồng, đối với tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại Điều 30 và Điều 37 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, quy định:

Điều 30. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện của người nộp thuế về số thuế do cơ quan quản lý thuế tính hoặc ấn định, người nộp thuế vẫn phải nộp đủ số tiền thuế đó và tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) theo quy định ...

Điều 37. Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, cụ thể như sau: Đối với thuế

sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp; tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; lệ phí trước bạ, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo nộp thuế (hoặc thông báo nộp tiền) của cơ quan thuế.

Tại khoản 3 Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế (sửa khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý thuế), quy định: *Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.*

Như vậy, trong thời gian ông P khiếu nại, khởi kiện Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thì anh P vẫn phải nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ. Trường hợp ông P chậm nộp thì phải tính tiền chậm nộp.

Do đó, Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1815/TB-CCT, ngày 19/12/2019 của Chi cục thuế huyện Đắk Hà đối với khoản tiền chậm nộp 8.543.507 đồng; Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 1182/TB-CCT, ngày 28/5/2020 của Chi cục thuế khu vực số 2, về tiền chậm nộp 11.956.241 đồng và Công văn 190/CCT-NV ngày 18/6/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2 về giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật. Chi cục thuế không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chi Thủy đồng ý với ý kiến của ông Phước.

Với nội dung trên tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30 ; khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ các Điều 28, 31 Luật Khiếu nại; điểm b khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 42, Điều 48, khoản 1, 3, 4 Điều 106 Luật Quản lý thuế; khoản 4 Điều 14, Điều 18 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất; điểm b khoản 4 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ, về lệ phí trước bạ; các Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 52 Nghị định 83/2013/NĐ-CP, ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Bá P.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Bá P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 7/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Bá P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Bá P khởi kiện tại Tòa án yêu cầu huỷ bỏ các thông báo nộp tiền nợ thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp của Chi cục Thuế huyện Đắk Hà nay là Chi cục Thuế số 2 có trụ sở đóng tại thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô. Đây là những quyết định hành chính về quản lý thuế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính; đơn khởi kiện của ông P trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo số 1815/TB-CCT, về khoản tiền chậm nộp 8.543.507 đồng và Công văn 190/CCT-NV ngày 18/6/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2, về giải quyết khiếu nại, nên được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 55 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Thay đổi tư cách tham gia tố tụng của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực số 2 là người bị kiện, theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về áp dụng pháp luật giải quyết Quyết định hành chính về quản lý thuế bị khởi kiện phát sinh trước ngày Luật Quản lý thuế năm 2019 có hiệu lực, nên áp dụng Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014, 2016 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Quản lý thuế năm 2006 để giải quyết.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông P:

[3.1] Ngày 19/12/2019, Chi cục thuế huyện Đắk Hà (nay là chi cục thuế khu vực số 2) ban hành Thông báo số 1815/TB-CCT, đối với tiền sử dụng đất 86.068.752 đồng, lệ phí trước bạ 358.620 đồng và tiền chậm nộp 8.543.507 đồng; ngày 28/5/2020, Chi cục thuế khu vực số 2 ban hành Thông báo số 1182/TB-CCT, đối với tiền sử dụng đất 86.068.752 đồng, lệ phí trước bạ 358.620 đồng và tiền chậm nộp 11.956.241 đồng đối với ông Nguyễn Bá P. Hai Thông báo này có cùng hình thức, căn cứ nhưng về nội dung có sự thay đổi số tiền chậm nộp do có sự phát sinh do thời gian chậm nộp tính thêm từ ngày tiếp theo của ngày ký Thông báo số

1815/TB-CCT đến ngày ký Thông báo số 1182/TB-CCT. Có thể xác định rằng Thông báo số 1182/TB-CCT ngày 28/5/2020 thay thế cho Thông báo số 1815/TB-CCT ngày 19/12/2019.

- Xét tính hợp pháp của Thông báo số 1815/TB-CCT; Thông báo số 1182/TB-CCT, HĐXX thấy rằng:

Chi cục thuế huyện Đắk Hà và Chi cục thuế khu vực số 2 ban hành Thông báo số 1815/TB-CCT; Thông báo số 1182/TB-CCT là đúng về hình thức, quy định tại tiểu mục 3.2, mục 3, phần II (biểu mẫu số 07) Quy trình quản lý nợ thuế, ban hành kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

- Về nội dung:

+ Đối với số tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ của hai thông báo nêu trên là thực hiện bước tiếp theo của các Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1860111-TK0007086/TB-CCT, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB1860111-TK0007085/TB-CCT, ngày 24/12/2018 đã được giải quyết tại bản án hành chính phúc thẩm số 01/2020/HCPT Ngày 23/04/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum, ông Phước không có yêu cầu nên không xem xét.

+ Đối với khoản tiền chậm nộp:

Tại khoản 2 Điều 42 về thời hạn nộp thuế Luật Quản lý thuế, quy định: *“Đối với các khoản thu từ đất đai, lệ phí trước bạ thì thời hạn nộp thuế theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan”*.

Điểm b khoản 4 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ (đính chính sai sót Nghị định số 140/2016/NĐ-CP tại Văn bản số 114/CP-KTTH ngày 28/3/2017 của Chính phủ) và Điểm 4 mục III Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất, ban hành kèm theo nghị định, quy định: *“Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày ... tháng ... năm Quá 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan thuế mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế”*.

Tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 45/2014/NĐ-CP) quy định về thu tiền sử dụng đất, thời hạn nộp tiền sử dụng đất như sau:

“a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan thuế, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo Thông báo.

b) Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo.

c) Quá thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người sử dụng đất chưa nộp đủ số tiền sử dụng đất theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế, trừ trường hợp có đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất đối với những trường hợp được ghi nợ...”

Điều 18 Nghị định 45/2014/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước thì người sử dụng đất phải nộp tiền chậm nộp. Việc xác định tiền chậm nộp tiền sử dụng đất thực hiện theo mức quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành*”.

Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế 2006 quy định: “*Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là thuế) do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật*”.

Như vậy, lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất gọi chung là thuế.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý thuế, được sửa đổi bổ sung năm 2016, về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, quy định:

“*1. Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp...*”.

Với những quy định như trên, khi ông P chậm nộp lệ phí trước bạ và chậm nộp tiền sử dụng đất thì còn phải nộp tiền chậm nộp được tính theo công thức: Tiền chậm nộp = số tiền chậm nộp x 0,03% x số ngày chậm nộp.

Điều 48 Luật Quản lý thuế, về nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện, quy định:

“*1. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện của người nộp thuế về số tiền thuế do cơ quan quản lý thuế tính hoặc ấn định, người nộp thuế vẫn phải nộp đủ số tiền thuế đó, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện quyết định tính thuế, quyết định ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế.*

2. Trường hợp số tiền thuế đã nộp lớn hơn số tiền thuế được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì người nộp thuế được hoàn trả số tiền thuế nộp thừa và được trả tiền lãi tính trên số tiền thuế nộp thừa”.

Theo quy định trên đây, thì trong thời gian ông P khiếu nại và khởi kiện tại Tòa án, ông P vẫn phải nộp đủ lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất. Do ông P không nộp đúng thời hạn trong Thông báo nộp tiền sử dụng đất, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất nên phải nộp tiền chậm nộp.

- Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Thông báo số 1815/TB-CCT; Thông báo số 1182/TB-CCT và Công văn 190/CCT-NV về giải quyết khiếu nại của anh Phước đối với Thông báo số 1182/TB-CCT.

Tại khoản 1 Điều 40 Luật Quản lý thuế năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014, 2016 quy định: “*Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế: 1. Cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế về lý do ấn định thuế, căn cứ ấn định thuế, số thuế ấn định, thời hạn nộp tiền thuế*”.

Điều 37 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, quy định: “1. Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, cụ thể như sau: a) Đối với thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp; tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; lệ phí trước bạ, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo nộp thuế (hoặc thông báo nộp tiền) của cơ quan thuế”.

Vì vậy, Chi cục thuế huyện Đắk Hà (nay là Chi cục thuế khu vực số 2) ban hành Thông báo số 1815/TB-CCT, đối với tiền chậm nộp và Chi cục thuế khu vực số 2 ban hành Thông báo số 1182/TB-CCT, đối với tiền chậm nộp là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, quy định tại khoản 4 Điều 106 Luật Quản lý thuế năm 2006.

[3.2] Đối với Công văn 190/CCT-NV, “V/v trả lời đơn của ông Nguyễn Bá P”: Qua xem xét nội dung đơn đề nghị ngày 16/6/2020 của ông Phước gửi Chi cục trưởng Chi cục Thuế số 2, Công văn 190/CCT-NV và ý kiến của các đương sự tại phiên toà thể hiện ông P làm đơn này với nội dung thắc mắc: Khoản tiền sử dụng đất 86.068.752 đồng được tính theo mức nào; tính theo căn cứ nào và khoản tiền chậm nộp 11.956.241 đồng được tính từ thời điểm nào, phương thức tính như thế nào. Căn cứ vào nội dung thắc mắc trên, Chi cục trưởng Chi cục Thuế số 2 đã ban hành Công văn 190/CCT-NV để giải thích; như vậy công văn này không thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại theo quy định của luật khiếu nại và toàn bộ nội dung công văn không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của công dân nên không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật tổ tụng hành chính; tuy nhiên việc giải quyết yêu cầu này cấp sơ thẩm không làm phát sinh thay đổi hay ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của đương sự nên HĐXX yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Ngoài ra, khi thụ lý yêu cầu bổ sung khởi kiện này, Toà án cấp sơ thẩm không thông báo cho đương sự, Viện kiểm sát là thiếu sót cũng cần được rút kinh nghiệm để khắc phục.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá Phước, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Phước là con liệt sĩ nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 30 ; khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 42, Điều 48, khoản 1, 3, 4 Điều 106 Luật Quản lý thuế; khoản 4 Điều 14, Điều 18 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất; điểm b khoản 4 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm

2016 của Chính phủ, về lệ phí trước bạ; các Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 52 Nghị định 83/2013/NĐ-CP, ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá P; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 7/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá P về việc yêu cầu huỷ bỏ một phần Thông báo số 1815/TB-CCT, ngày 19/12/2019; một phần Thông báo số 1182/TB-CCT ngày 28/5/2020 của Chi cục thuế khu vực số 2 (đối với khoản tiền phạt, tiền chậm nộp).

Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Bá P được miễn án phí hành chính sơ, phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Bá P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003772 ngày 07/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện Đắk Tô;
- Chi cục THA Đắk Tô;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thành